



BẢN TIN THAN NGÀY

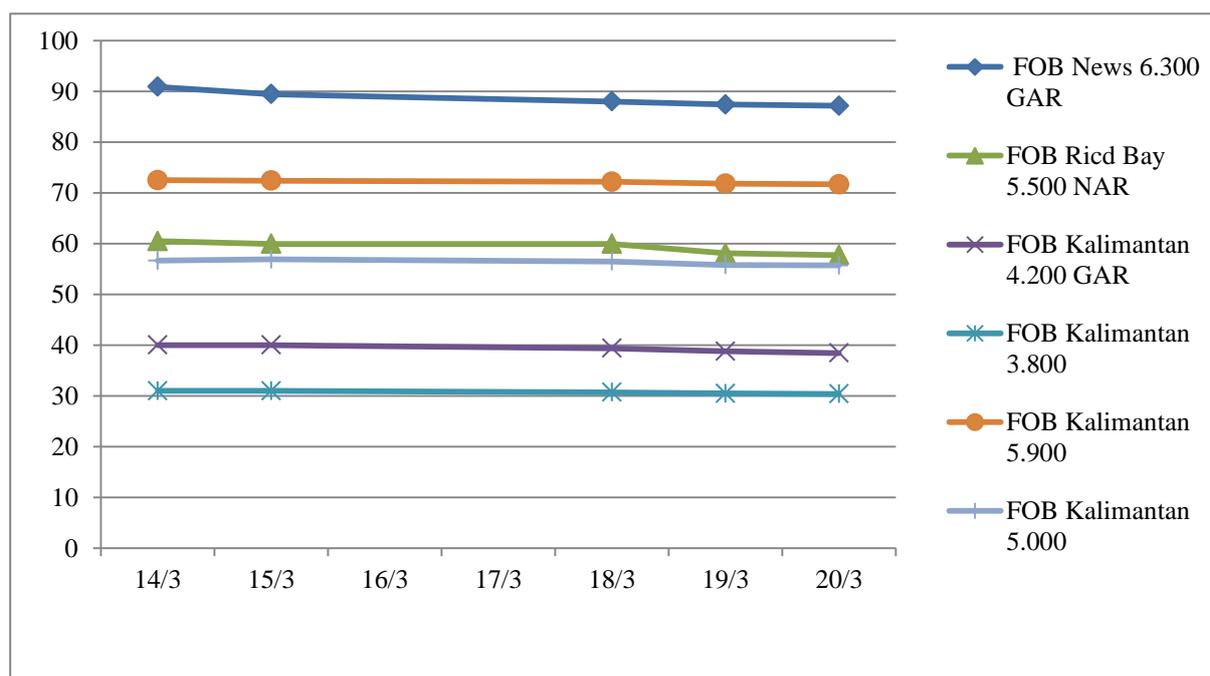
Ngày 25/3/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	87,15	-0,25	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	57,75	-0,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,70	-0,10
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A </td <td>55,70</td> <td>-0,10</td>	55,70	-0,10
FOB Kalimantan 4.200 GAR	38,45	-0,35	N/A	N/A
FOB Kalimantan 3.800 GAR	30,40	-0,10	N/A	N/A

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	45,30	-0,35	302,28	-3,10
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	62,60	-0,10	417,72	-1,71
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	64,90	-0,20	433,07	-2,42

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 20/3/2019)

ĐIỂM TIN

Lượng than nhập khẩu của Thái Lan trong tháng 2 giảm 12% còn 1,69 triệu tấn

Thái Lan đã nhập khẩu 1,69 triệu tấn than, bao gồm than bitum, anthracite và các loại than khác trong tháng 2, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu Hải quan hôm thứ 5. Giá trị nhập khẩu trong tháng 2 đạt 107,2 triệu USD, thấp hơn 15,1% so với 126,2 triệu USD trong tháng 2 năm 2018. Trên tổng khối lượng nhập khẩu, 531.781 tấn là than bitum, giảm 21,3% so với cùng kỳ năm trước, nguồn than chủ yếu từ Australia 422.611 tấn, tăng 38,4% so với năm trước, than Indonesia giảm còn 54.438 tấn, giảm 82,7% so với năm trước, than Nga đạt 45.460 tấn, giảm 16,9% so với tháng 2 năm 2018.

Nhập khẩu các loại than khác trong tháng 2 như than lignite, than sub-bitum cũng giảm 5,9% so với năm trước xuống còn 1,16 triệu tấn. Các loại than trên nhập khẩu chủ yếu từ Indonesia. Thái Lan chỉ nhập 98 tấn than anthracite trong tháng này, giảm 99,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu có nguồn gốc từ Trung Quốc và Nga. Trong vòng hai tháng đầu năm nay, Thái Lan đã nhập khẩu 3,88 triệu tấn than, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng trên bao gồm 1,43 triệu tấn là than bitum, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước, và 2,43 triệu tấn là của các loại than khác, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2018. Giá trị nhập khẩu trong hai tháng đầu năm nay đạt 254,9 triệu USD, tăng 8,3% so với 235,4 triệu USD trong giai đoạn tháng 1-2 năm 2018. Indonesia, Australia, và Nga là những nguồn cung cấp than chủ yếu của Thái Lan.

Nhu cầu than có thể sẽ tăng tại một số nước Trung Đông và Bắc Phi

Mặc dù chịu áp lực bị thay thế bởi các nguồn nhiên liệu như gas và năng lượng tái tạo, than sẽ tiếp tục chiếm 12% tổng nhiên liệu tại một số nước khu vực Trung Đông/Bắc Phi cho tới năm 2050. Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập và UAE dự kiến sẽ có nhu cầu lớn nhất. Thổ Nhĩ Kỳ, tiêu thụ 29 triệu tấn/năm, sẽ đạt mức 40 triệu tấn trong năm 2030, nguồn tin Carbo One cho biết. Nhà máy nhiệt điện Hassyan công suất 2,4 GW của UAE, và nhà máy nhiệt điện Hamarawwein công suất 6 GW của Ai Cập sẽ là những nguồn tiêu thụ than chính. Oman và Jordan cũng dự kiến sẽ nâng cao công suất sử dụng than. Chi phí logistics và vận chuyển sẽ là điểm mấu chốt giúp khu vực phát triển nhiệt điện thành công, theo Carbo One. Công ty cho biết: “Theo nhìn nhận của Carbo One, chi phí logistics và vận chuyển tới khu vực Trung Đông sẽ là yếu tố quyết định. Các cảng mới như cảng than nước sâu được lên kế hoạch xây dựng tại Taman trên bờ biển Đen sẽ giúp cắt giảm chi phí và cho phép các tàu cỡ lớn xếp than, đồng thời củng cố khả năng xuất khẩu đến khu vực Trung Đông và Bắc Phi”.

(Nguồn: www.spglobal.com)

LNG có thể thay thế than trong các dự án điện trị giá 7,8 tỉ USD của Việt Nam

Các dự án điện khí mới nhất của Việt Nam trị giá 7,8 tỉ USD có thể khiến Việt Nam trở thành nước nhập khẩu khí LNG mới nhất trên thế giới, đồng thời cắt giảm sử dụng than. Chính quyền tỉnh Ninh Thuận đã hợp với công ty Gulf Energy Development của Thái Lan để bàn về kế hoạch xây dựng bốn nhà máy điện khí, với tổng công suất 6.000 MW, đồng thời xây dựng các cơ sở hạ tầng để nhập khí LNG. Gulf Energy hiện từ chối đưa ra bình luận. Thứ trưởng Bộ Công Thương, ông Hoàng Quốc Vượng cho biết: “Dự án LNG trên sẽ thay thế một số NMNĐ đang hoạt động. Chúng tôi chắc chắn sẽ phải nhập khẩu LNG cho những nhà máy mới này”.

Dự án Cà Ná sẽ giúp Việt Nam trở thành một trong những nước sử dụng nhiên liệu LNG lớn, tăng thêm nhu cầu cho thị trường tiêu thụ than phát triển nhanh nhất hiện nay, và tạo điều kiện cho nguồn nhiên liệu sạch hơn được sử dụng tại một quốc gia được kỳ vọng sẽ ảnh hưởng lớn đến thị trường than trong khu vực. Một dự án 3.200 MW khác cũng đang được đề xuất tại tỉnh Bạc Liêu, chuyên viên phân tích tại Sanford C. Bernstein & Co. cho biết, Việt Nam được dự kiến sẽ sớm trở thành nước nhập khẩu LNG lớn trên thế giới vào năm 2027, khi trữ lượng khí gas cạn dần. Trên thực tế, khi nhu cầu điện năng tiếp tục tăng trưởng nhanh chóng và công suất hạn chế, các NMNĐ sẽ vận hành với công suất lớn để phục vụ nhu cầu điện năng tối thiểu, theo Yun Ben Yap, một nhà nghiên cứu tại Wood Mackenzie. Điều này có nghĩa các nhà máy điện khí mới sẽ không thay thế các NMNĐ hiện có hay các dự án nhiệt điện mới tại Việt Nam.

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,95	-0,15
	Queensland	Nhật Bản	7,70	-0,20
	New South Wales	Hàn Quốc	8,55	-0,20
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,70	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,35	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,80	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,00	+0,00
	Australia	Trung Quốc	11,15	+0,00
Australia	Ấn Độ	12,45	+0,00	

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 20/03/2019)